

Thông tin tuyển sinh trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2025

Mã trường: SPH; Địa chỉ: Số 136 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội; Điện thoại: 0865.911.136;

I. Đối tượng, điều kiện dự tuyển chung đối với tất cả ngành và phương thức xét tuyển

Thí sinh tính tới thời điểm xác định trúng tuyển đã tốt nghiệp THPT của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp THPT của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương. Đồng thời, có *kết quả rèn luyện (hạnh kiểm)* tất cả các học kì cấp THPT đạt mức **Khá** trở lên.

Đối với người nước ngoài, Trường xét tuyển thí sinh đã tốt nghiệp THPT, đạt chuẩn năng lực Tiếng Việt và đáp ứng các quy định khác của Quy chế hiện hành của Bộ GDĐT về quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam.

II. Các phương thức, điều kiện, tiêu chí xét tuyển

Trường ĐHSP Hà Nội xét tuyển thẳng các thí sinh thuộc đối tượng xét tuyển thẳng được quy định tại khoản 1, 2, điều 8 của Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GDĐT (*Thông báo 487/TB-ĐHSPHN ngày 18/04/2025 của Trường ĐHSP Hà Nội*). Sau khi xác định thí sinh trúng tuyển thẳng, Nhà trường xét tuyển số chỉ tiêu tuyển sinh còn lại đối với mỗi ngành đào tạo theo ba phương thức (viết tắt là **PT1, PT2, PT3**).

Thí sinh có thể đăng kí nhiều phương thức xét tuyển vào cùng một ngành đào tạo. Đối với mỗi phương thức (**PT1/PT2/PT3**), thí sinh có một điểm xét (**ĐX1/ĐX2/ĐX3**) theo thang điểm 30; trong đó **ĐX2, ĐX3** là các *điểm xét quy đổi về cùng thang điểm thi TN THPT* của điểm xét **ĐX1** theo quy định của Bộ GDĐT. Thang điểm 30 của 3 môn thi TN THPT (đối với tổ hợp gốc, không nhân hệ số) được quy định là *thang điểm chung* để xác định các điểm xét quy đổi: **ĐX1, ĐX2, ĐX3** vào một ngành đào tạo.

Đối với một ngành đào tạo, tất cả thí sinh được xét tuyển bình đẳng dựa trên **điểm xét theo một thang điểm chung**, bảo đảm tương đương về mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào. Hệ thống xét tuyển theo từng ngành đào tạo, tự động lấy điểm lớn nhất trong số các điểm xét (**ĐX1, ĐX2, ĐX3**) mà thí sinh đã đăng kí dự tuyển trên Hệ thống của Trường và Bộ GDĐT (*điểm xét ưu thế nhất, có lợi nhất cho thí sinh*) để xét từ cao xuống thấp cho hết chỉ tiêu của mỗi ngành.

Phương thức xét tuyển	Phạm vi tuyển sinh	Số nguyện vọng xét tuyển và điểm xét ĐX1, ĐX2, ĐX3 theo thang điểm chung
Phương thức 1 (PT1). Xét kết quả thi TN THPT năm 2025	Tất cả ngành, chương trình đào tạo.	- Thí sinh được đăng ký nhiều nguyện vọng xét tuyển theo PT1 trên Hệ thống của Bộ GDĐT. - Điểm xét theo PT1 – ĐX1 Điểm xét ĐX1 (thang điểm 30) là điểm số được xác định theo tổ hợp 3 môn thi TN THPT (theo quy định của từng ngành đào tạo), được cộng điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng chính sách (nếu có) theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT. Đối với các ngành năng khiếu (GDMN, GDMN – SPTA, GDTC, SPAN, SPMT), Trường xét điểm tổ hợp 3 môn bao gồm môn thi TN THPT và môn thi năng khiếu. Đối với một ngành có từ hai tổ hợp môn xét tuyển trở lên, sẽ có các điểm xét theo tổ hợp môn tương ứng, trong đó ĐX1 là điểm lớn nhất (<i>điểm xét ưu thế nhất theo PT1, có lợi nhất cho thí sinh</i>).
Phương thức 2 (PT2). Xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội	Tất cả ngành, chương trình đào tạo.	- Thí sinh phải đăng ký dự tuyển theo PT2 trên Hệ thống của Trường với duy nhất một nguyện vọng xét tuyển. Mặt khác, thí sinh phải đăng ký nguyện vọng xét tuyển này trên Hệ thống của Bộ GDĐT. - Điểm xét theo PT2 – ĐX2 Điểm xét ĐX2 (thang điểm 30) được xác định dựa trên <i>hồ sơ năng lực - thành tích vượt trội</i> theo các quy tắc đánh giá, quy đổi thành tích – điểm số theo <i>thang điểm chung</i> và cộng điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng chính sách (nếu có) theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT. <i>Quy tắc đánh giá, quy đổi thành tích – điểm số</i> do Hội đồng tuyển sinh quyết định sau khi có phổ điểm thi TN THPT năm 2025.
Phương thức 3 (PT3).	45/50 ngành, chương trình đào tạo.	- Thí sinh phải đăng ký dự thi SPT và dự tuyển theo PT3 trên Hệ thống của Trường với tối đa 02 nguyện vọng xét tuyển. Mặt khác, thí sinh phải

Phương thức xét tuyển	Phạm vi tuyển sinh	Số nguyện vọng xét tuyển và điểm xét ĐX1, ĐX2, ĐX3 theo thang điểm chung
Xét kết quả thi ĐGNL - SPT năm 2025	Trừ các ngành năng khiếu: GDTC, GDMN, GDMN-SPTA, SPAN, SPMT.	đăng ký các nguyện vọng này trên Hệ thống của Bộ GDĐT. - Điểm xét theo PT3 – ĐX3 Điểm xét ĐX3 (thang điểm 30) là điểm số được xác định theo tổ hợp 3 môn thi SPT (theo quy định của từng ngành đào tạo) với điểm thi SPT được quy đổi tương đương về <i>thang điểm chung</i> và cộng điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng chính sách (nếu có) theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT. <i>Quy tắc quy đổi tương đương SPT – TN THPT</i> do Hội đồng tuyển sinh quyết định sau khi có phổ điểm thi TN THPT năm 2025. Đối với một ngành có từ hai tổ hợp môn xét tuyển trở lên, sẽ có các điểm xét theo tổ hợp môn tương ứng, trong đó ĐX3 là điểm lớn nhất (<i>điểm xét ưu thế nhất theo PT3, có lợi nhất cho thí sinh</i>).

1. PT1 - Xét kết quả thi TN THPT năm 2025

a) Đối tượng, điều kiện dự tuyển theo PT1

Ngoài việc thỏa mãn điều kiện chung (ở Mục I), thí sinh đăng kí dự tuyển theo PT1 cần phải tham dự Kỳ thi TN THPT năm 2025 với các môn thi tương ứng với tổ hợp xét tuyển theo PT1 vào ngành, chương trình đào tạo mà thí sinh có nguyện vọng theo học.

Đối với các ngành năng khiếu: GD Mầm non, GD Mầm non – SP Tiếng Anh, GD Thể chất, SP Âm nhạc, SP Mỹ thuật, thí sinh còn phải tham dự Kỳ thi năng khiếu năm 2025 do Trường ĐHSP Hà Nội tổ chức để lấy điểm thi năng khiếu xét tuyển kết hợp với điểm thi TN THPT. Trường ĐHSP Hà Nội tổ chức thi năng khiếu từ 04/7 đến 07/7; công bố kết quả trước 10/7/2025. Nhà trường không sử dụng kết quả thi năng khiếu do trường đại học khác tổ chức để xét tuyển.

Căn cứ ngưỡng đầu vào đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên do Bộ GDĐT công bố; phổ điểm thi TN THPT năm 2025 và chuẩn đầu vào các ngành đào tạo đại học chính quy, Nhà trường xác định ngưỡng điểm xét tuyển (điểm sàn) vào mỗi ngành theo PT1.

b) Tiêu chí xét tuyển - điểm xét ĐX1 theo thang điểm chung

Điểm xét ĐX1 (thang điểm 30) là điểm số được xác định theo tổ hợp 3 môn thi TN THPT (theo quy định của từng ngành đào tạo) và cộng điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng chính sách (nếu có) theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT.

Đối với các ngành năng khiếu, xác định điểm xét ĐX1 theo tổ hợp 3 môn bao gồm môn thi TN THPT và môn thi năng khiếu. Theo đó, các *bài thi năng khiếu được đánh giá theo thang điểm tương đương với thang điểm 10 của bài thi TN THPT*.

Đối với một ngành có từ hai tổ hợp xét tuyển trở lên, sẽ có các điểm xét khác nhau theo các tổ hợp môn tương ứng, trong đó **ĐX1** là điểm lớn nhất (điểm xét ưu thế nhất theo PT1, có lợi nhất cho thí sinh).

c) Kế hoạch xét tuyển theo PT1

- Công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng - điểm sàn xét tuyển: Trước 17h00 ngày 23/7/2025.
- Đăng kí dự tuyển theo PT1 trên Hệ thống của Bộ GDĐT: Từ 16/7 đến 17h00 ngày 28/7/2025. Thí sinh có thể đăng kí dự tuyển theo PT1 vào nhiều ngành khác nhau (không giới hạn số nguyện vọng xét tuyển).
- Công bố điểm trúng tuyển và kết quả xét tuyển: Trước 17h00 ngày 22/8/2025.

2. PT2 - Xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội

a) Đối tượng, điều kiện dự tuyển theo PT2

Trường ĐHSP Hà Nội quy định các điều kiện ưu tiên xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội căn cứ Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT và yêu cầu đầu vào của mỗi ngành đào tạo; phân loại theo ba diện:

- **Diện A**, áp dụng đối với thí sinh dự tuyển vào tất cả các ngành, trừ GD thể chất và SP Âm nhạc, SP Mỹ thuật;
- **Diện N**, áp dụng đối với thí sinh dự tuyển vào ngành SP Âm nhạc, SP Mỹ thuật;
- **Diện T**, áp dụng đối với thí sinh dự tuyển vào ngành GD Thể chất.

Điều kiện ưu tiên xét tuyển – Diện A

Ngoài việc thỏa mãn điều kiện chung (ở Mục I), thí sinh đăng kí dự tuyển theo PT2 – **Diện A** cần *tốt nghiệp THPT trong năm 2025, có kết quả rèn luyện tất cả 06 học kì cấp THPT*

đạt mức **Tốt**, có kết quả học tập cả 03 năm cấp THPT đạt mức **Tốt** và phải thỏa mãn một trong các điều kiện quy định sau đây:

Diện	Điều kiện dự tuyển	Mã	Thành tích	Điểm quy đổi
A4	Hoàn thành 03 năm học lớp 10, 11, 12 tại trường thực hành sư phạm trực thuộc Trường ĐHSP Hà Nội, Trường ĐHSP TP. Hồ Chí Minh hoặc theo hệ không chuyên tại trường THPT Chuyên.	A4.4		t ₁₀
	Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn HSG THPT (dành cho HS lớp 12) hoặc cuộc thi NCKHKT (dành cho HS THPT) cấp tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương)/trường đại học.	A4.3	Giải Ba	t ₉
		A4.2	Giải Nhì	t ₈
		A4.1	Giải Nhất	t ₇
A3	Hoàn thành 03 năm học lớp 10, 11, 12 theo hệ chuyên tại trường THPT chuyên.	A3		t ₆
A2	Đáp ứng diện A3 nhưng chưa đến A1, đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn HSG THPT (dành cho lớp 12) hoặc cuộc thi NCKHKT (dành cho HS THPT) cấp tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương)/trường đại học.	A2.3	Giải Ba	t ₅
		A2.2	Giải Nhì	t ₄
		A2.1	Giải Nhất	t ₃
A1	Tham dự Kỳ thi chọn HSG quốc gia THPT hoặc cuộc thi NCKHKT cấp quốc gia dành cho HS THPT.	A1.2	Không đạt giải	t ₂
		A1.1	Giải khuyến khích/ Giải Tư trở lên	t ₁

* Viết tắt: HSG = học sinh giỏi, NCKHKT = nghiên cứu khoa học, kỹ thuật.

* Công nhận kết quả kỳ thi chọn HSG cấp THPT cấp trường đại học được tổ chức bởi trường đại học có thành lập đội tuyển tham dự Kỳ thi chọn HSG quốc gia THPT, bao gồm: Đại học quốc gia Hà Nội, Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Đại học Huế, Trường ĐHSP Hà Nội, Trường ĐH Vinh, Trường ĐHSP TP. Hồ Chí Minh.

* Khi xét tuyển theo PT2 vào ngành SP Tiếng Pháp, học sinh hoàn thành 03 năm học lớp 10, 11, 12 theo hệ song ngữ tiếng Pháp của Trường THPT chuyên Hà Nội – Amsterdam, Trường THPT chuyên Nguyễn Huệ, Trường THPT chuyên Chu Văn An và Trường THPT chuyên Sơn Tây được tính vào diện A3.

* Dự án NCKHKT đạt giải cần phù hợp với ngành đào tạo mà thí sinh đăng ký dự tuyển theo PT2.

* Thời gian tham dự, đoạt giải các kỳ thi, cuộc thi không quá 03 năm tính tới ngày 19/5/2025.

* Các điểm quy đổi t tương ứng với thành tích: $15 \leq t_{10} < t_9 < t_8 < t_7 < t_6 < t_5 < t_4 < t_3 < t_2 < t_1 < 30$. Các mức điểm t do Hội đồng tuyển sinh quy định cụ thể sau khi có phổ điểm thi TN THPT năm 2025.

Điều kiện ưu tiên xét tuyển – Diện N vào ngành SP Âm nhạc, SP Mỹ thuật

Ngoài việc thỏa mãn điều kiện chung (ở Mục I), thí sinh đăng ký dự tuyển theo PT2 – **diện N cần tốt nghiệp THPT trong năm 2023, 2024 hoặc 2025, có kết quả học tập (học lực) các năm cấp THPT đạt mức Khá trở lên** và phải thỏa mãn một trong các điều kiện quy định sau đây:

Diện	Điều kiện dự tuyển	Mã	Thành tích	Điểm quy đổi
N4	Tham gia Kỳ thi năng khiếu của Trường ĐHSP Hà Nội năm 2025 và có thành tích vượt trội, thuộc nhóm 5% thí sinh đạt kết quả thi cao nhất.	N4	Chứng nhận kết quả thi năng khiếu cao nhất	t_8
N3	Tốt nghiệp loại Giỏi trình độ Cao đẳng, Trung cấp tại trường năng khiếu nghệ thuật.	N3		t_7
N2	Đoạt các giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật cấp tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương) về ca, múa, nhạc, mỹ thuật.	N2.3	Huy chương Đồng	t_6
		N2.2	Huy chương Bạc	t_5
		N2.1	Huy chương Vàng	t_4
N1	Đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp toàn quốc về ca, múa, nhạc, mỹ thuật.	N1.3	Huy chương Đồng	t_3
		N1.2	Huy chương Bạc	t_2
		N1.1	Huy chương Vàng	t_1

* Thời gian đạt thành tích không quá 04 năm tính tới ngày 10/6/2025.

* Các điểm quy đổi t tương ứng với thành tích: $15 \leq t_8 < t_7 < t_6 < t_5 < t_4 < t_3 < t_2 < t_1 < 30$. Các mức điểm t do Hội đồng tuyển sinh quy định cụ thể sau khi có phổ điểm thi TN THPT năm 2025.

Điều kiện ưu tiên xét tuyển – Diện T vào ngành GD Thể chất

Ngoài việc thỏa mãn điều kiện chung (ở Mục I), thí sinh đăng ký dự tuyển theo PT2 - **diện T cần tốt nghiệp THPT trong năm 2023, 2024 hoặc 2025, có kết quả học tập (học lực) cả 03 năm cấp THPT đạt mức Khá trở lên** và phải thỏa mãn một trong các điều kiện quy định sau đây:

Diện	Điều kiện dự tuyển	Mã	Thành tích	Điểm quy đổi
T4	Tham gia Kỳ thi năng khiếu của Trường ĐHSP Hà Nội năm 2025 và có thành tích vượt trội, thuộc nhóm 5% thí sinh đạt kết quả thi cao nhất.	T4	Chứng nhận kết quả thi năng khiếu cao nhất	t_{10}
T3	Đoạt huy chương Vàng, Bạc, Đồng tại các giải thi đấu dành cho học sinh phổ thông cấp tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương), có chứng nhận thành tích của Sở GDĐT.	T3.3	Huy chương Đồng	t_9
		T3.2	Huy chương Bạc	t_8
		T3.1	Huy chương Vàng	t_7
T2	Đạt tiêu chuẩn vận động viên cấp 1 quốc gia (có quyết định công nhận của Cục Thể dục thể thao) hoặc đoạt huy chương Vàng, Bạc, Đồng tại các giải thi đấu dành cho học sinh phổ thông toàn quốc (có chứng nhận thành tích của Bộ GDĐT).	T2.3	Huy chương Đồng	t_6
		T2.2	Huy chương Bạc	t_5
		T2.1	Huy chương Vàng hoặc <i>VĐV cấp 1 quốc gia</i>	t_4
T1	Đạt tiêu chuẩn kiện tướng quốc gia (có quyết định công nhận của Cục Thể dục thể thao) hoặc đoạt huy chương Vàng, Bạc, Đồng tại các giải thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm.	T1.3	Huy chương Đồng	t_3
		T1.2	Huy chương Bạc	t_2
		T1.1	Huy chương Vàng hoặc <i>Kiến tướng quốc gia</i>	t_1

* Thời gian đạt thành tích không quá 04 năm tính tới ngày 10/6/2025.

* Các điểm quy đổi t tương ứng với thành tích: $15 \leq t_{10} < t_9 < t_8 < t_7 < t_6 < t_5 < t_4 < t_3 < t_2 < t_1 < 30$. Các mức điểm t do Hội đồng tuyển sinh quy định cụ thể sau khi có phổ điểm thi TN THPT năm 2025.

b) Tiêu chí xét tuyển - điểm xét ĐX2 theo thang điểm chung

Điểm xét ĐX2 (thang điểm 30) là điểm số được xác định dựa trên hồ sơ năng lực - thành tích vượt trội theo các *quy tắc đánh giá, quy đổi thành tích – điểm số theo thang điểm chung* và cộng điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng chính sách (nếu có) theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT.

Quy tắc đánh giá, quy đổi thành tích – điểm số theo thang điểm chung do Hội đồng tuyển sinh quyết định, bao gồm các tham số:

- Điểm quy đổi thành tích t ; thí sinh có thành tích càng cao thì có tham số t càng lớn ($15 \leq t < 30$).

- Điểm khuyến khích n_1 là điểm cộng khuyến khích đối với thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (đủ bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết) theo quy định cụ thể của mỗi ngành ($n_1 \leq 1$). Thời gian cấp chứng chỉ không quá 02 năm tính tới ngày 10/6/2025. Nếu không có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế đáp ứng quy định cụ thể của mỗi ngành thì thí sinh vẫn được dự tuyển theo PT2 nhưng không được xét cộng điểm khuyến khích n_1 .

- Điểm khuyến khích n_2 là điểm cộng khuyến khích đối với thí sinh có điểm trung bình môn cả năm lớp 10, lớp 11, lớp 12 đạt từ 8.0 điểm trở lên đối với tổ hợp 3 môn theo quy định cụ thể của mỗi ngành ($n_2 \leq 1$). Nếu không học đủ ba môn này trong cả 03 năm cấp THPT hoặc có ít nhất 1 môn ở 1 năm học không đạt điểm TBC là 8.0 thì thí sinh vẫn được dự tuyển theo PT2 nhưng không được xét cộng điểm khuyến khích n_2 .

- Hệ số học văn nền h tỉ lệ với trung bình điểm thi TN THPT môn Toán và Ngữ văn (hai môn bắt buộc với mọi thí sinh). Đối với các thí sinh có cùng điểm quy đổi thành tích t , thí sinh có hệ số h càng cao thì có điểm xét $ĐX2$ càng lớn. Đối với các thí sinh có cùng hệ số h , thí sinh có điểm quy đổi thành tích t càng cao thì có điểm xét $ĐX2$ càng lớn.

Việc xác định các tham số quy đổi đảm bảo nguyên tắc:

- Mỗi thí sinh đều có cơ hội đạt điểm tối đa của thang điểm xét (30 điểm), nhưng không thí sinh nào có điểm xét (tính cả các loại điểm khuyến khích, điểm ưu tiên) vượt quá mức điểm tối đa này.

- Có tính đến tương quan kết quả học tập năm thứ nhất tại Trường ĐHSP Hà Nội của nhóm sinh viên trúng tuyển theo PT1 (xét điểm thi TN THPT) và nhóm sinh viên trúng tuyển theo PT2 (xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội). Trường ưu tiên xét tuyển theo phương thức mà *sinh viên trúng tuyển có kết quả học tập tốt hơn*.

c) Kế hoạch xét tuyển theo PT2

- Đăng kí dự tuyển theo PT2 trên Hệ thống của Trường tại địa chỉ: <https://ts2025.hnue.edu.vn/> từ 10/6/2025 đến 10/7/2025 với duy nhất 01 nguyện vọng xét tuyển.

Tiếp theo, thí sinh phải **đăng ký nguyện vọng xét tuyển này** trên Hệ thống của Bộ GDĐT từ 16/7 đến 17h00 ngày 28/7/2025. Thí sinh phải hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu không tuân thủ quy định này.

- Công bố quy tắc đánh giá, quy đổi thành tích – điểm số theo thang điểm chung: trước 17h00 ngày 23/7/2025.

- Công bố điểm trúng tuyển và kết quả xét tuyển: trước 17h00 ngày 22/8/2025.

3. PT3 - Xét kết quả thi ĐGNL - SPT năm 2025

a) Đối tượng, điều kiện dự tuyển theo PT3

Ngoài việc thỏa mãn điều kiện chung (ở Mục I), thí sinh đăng ký dự tuyển theo PT3 vào Trường ĐHSP Hà Nội cần phải tham dự Kỳ thi SPT năm 2025 với các môn thi (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Lịch sử hoặc Địa lý) tương ứng với tổ hợp xét tuyển theo PT3 vào ngành, chương trình đào tạo mà thí sinh có nguyện vọng theo học.

* Thí sinh nếu đã dự thi ĐGNL chuyên biệt năm 2025 do Trường ĐHSP TP. Hồ Chí Minh tổ chức trước ngày 19/5/2025 và không dự thi Kỳ thi SPT thì có thể đăng ký sử dụng kết quả thi ĐGNL chuyên biệt để xét tuyển vào Trường ĐHSP Hà Nội theo PT3.

Thí sinh dự tuyển vào ngành đào tạo giáo viên theo PT3 phải có kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Tốt (học lực lớp 12 xếp loại Giỏi) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

b) Tiêu chí xét tuyển - điểm xét ĐX3 theo thang điểm chung

Điểm xét ĐX3 (thang điểm 30) là điểm số được xác định theo tổ hợp 3 môn thi SPT (theo quy định của từng ngành đào tạo) với điểm thi SPT được quy đổi tương đương về thang điểm chung và cộng điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng chính sách (nếu có) theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT.

Việc quy đổi điểm tổ hợp 3 môn thi SPT về thang điểm thi TN THPT đảm bảo các nguyên tắc:

- Dựa trên tương quan so sánh dữ liệu điểm thi của tổ hợp tương ứng giữa hai kỳ thi SPT và TN THPT.

- Không làm thay đổi thứ tự xếp hạng theo điểm tổ hợp 3 môn giữa các thí sinh sau khi quy đổi.

- Có tính đến tương quan kết quả học tập năm thứ nhất tại Trường ĐHSP Hà Nội của nhóm sinh viên trúng tuyển theo PT1 (xét điểm thi TN THPT) và nhóm sinh viên trúng tuyển theo PT3 (xét điểm thi SPT). Trường ưu tiên phương thức mà *sinh viên trúng tuyển có kết quả học tập tốt hơn*.

* Công thức quy đổi tương đương SPT – TN THPT do Hội đồng tuyển sinh quyết định khi có phổ điểm thi TN THPT năm 2025.

Đối với một ngành có từ hai tổ hợp xét tuyển trở lên, sẽ có các điểm xét khác nhau theo các tổ hợp môn tương ứng, trong đó **ĐX3** là điểm lớn nhất (điểm xét ưu thế nhất theo PT3, có lợi nhất cho thí sinh).

c) Kế hoạch xét tuyển theo PT3

- Đăng kí dự thi SPT và dự tuyển theo PT3 trên Hệ thống của Trường tại địa chỉ: <https://ts2025.hnue.edu.vn/> từ 15/3 đến 15/4/2025 với tối đa 02 nguyện vọng xét tuyển.

Tiếp theo, thí sinh phải **đăng ký các nguyện vọng xét tuyển này** trên Hệ thống của Bộ GDĐT từ 16/7 đến 17h00 ngày 28/7/2025. Thí sinh phải hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu không tuân thủ quy định này.

- Tổ chức thi SPT từ 17/5 đến 18/5; công bố kết quả thi trước 15/6/2025 trên Hệ thống của Trường.

- Công bố công thức quy đổi tương đương điểm thi SPT (theo tổ hợp) về thang điểm chung: trước 17h00 ngày 23/7/2025.

- Công bố điểm trúng tuyển và kết quả xét tuyển: trước 17h00 ngày 22/8/2025.

III. Chỉ tiêu tuyển sinh và phương thức, điều kiện, tổ hợp xét tuyển theo ngành, chương trình đào tạo

Năm 2025, Trường ĐHSP Hà Nội tuyển sinh 50 ngành, chương trình đào tạo đại học chính quy thuộc 09 lĩnh vực, trong đó có **5 ngành mới**: *Công nghệ sinh học, Vật lí học (vật lí bán dẫn và kỹ thuật), Lịch sử, Xã hội học, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam*.

1. Lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên

STT	Ngành, chương trình đào tạo Tên ngành, mã xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh	Phương thức 2 - xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội			Phương thức 1 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT, NK)	Phương thức 3 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi ĐGNL - SPT)
		Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển	Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2	Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1		
1.	Quản lý giáo dục Mã xét tuyển: 7140114 Chỉ tiêu: 84	Tất cả các đội tuyển	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELTA từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh - Toán, Ngữ văn, Lịch sử - Toán, Ngữ văn, Giáo dục KTPL	- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh - Toán, Ngữ văn, Lịch sử
2.	GD Mầm non Mã xét tuyển: 7140201 Chỉ tiêu: 190	Toán, Ngữ văn, Lịch sử	Toán, Ngữ văn, Lịch sử	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	Toán, Ngữ văn, Năng khiếu (Hát, Kể chuyện)	Không xét tuyển
3.	GD Mầm non - SP Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.0 ;	- Toán, Tiếng Anh, Năng khiếu (Hát, Kể chuyện)	Không xét tuyển

STT	Ngành, chương trình đào tạo Tên ngành, mã xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh	Phương thức 2 - xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội			Phương thức 1 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT, NK)	Phương thức 3 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi ĐGNL - SPT)
		Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển	Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n ₂	Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n ₁		
	Mã xét tuyển: 7140201K Chỉ tiêu: 60			TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600	- Ngữ văn, Tiếng Anh, Năng khiếu (Hát, Kể chuyện)	
4.	GD Tiểu học Mã xét tuyển: 7140202 Chỉ tiêu: 215	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	ELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
5.	GD Tiểu học - SP Tiếng Anh Mã xét tuyển: 7140202K Chỉ tiêu: 100	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	ELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
6.	GD đặc biệt Mã xét tuyển: 7140203 Chỉ tiêu: 80	Tất cả các đội tuyển	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600;	- Ngữ văn × 2, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn × 2, Toán, Tiếng Anh	- Ngữ văn × 2, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn × 2, Toán, Tiếng Anh

STT	Ngành, chương trình đào tạo Tên ngành, mã xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh	Phương thức 2 - xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội			Phương thức 1 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT, NK)	Phương thức 3 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi ĐGNL - SPT)
		Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển	Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2	Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1		
				DELF từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp		
7.	GD công dân Mã xét tuyển: 7140204 Chỉ tiêu: 110	Tất cả các đội tuyển	Giáo dục KTPL, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELF từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn, Giáo dục KTPL, Lịch sử - Ngữ văn, Giáo dục KTPL, Địa lí - Ngữ văn, Giáo dục KTPL, Tiếng Anh	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
8.	GD chính trị Mã xét tuyển: 7140205	Tất cả các đội tuyển	Giáo dục KTPL, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ;	- Ngữ văn, Giáo dục KTPL, Lịch sử	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí

STT	Ngành, chương trình đào tạo Tên ngành, mã xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh	Phương thức 2 - xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội			Phương thức 1 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT, NK)	Phương thức 3 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi ĐGNL - SPT)
		Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển	Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n ₂	Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n ₁		
	Chỉ tiêu: 25			TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600; DELFT từ B1 trở lên; TCF ≥ 300; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn, Giáo dục KTPL, Địa lí - Ngữ văn, Giáo dục KTPL, Tiếng Anh	- Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
9.	GD thể chất Mã xét tuyển: 7140206 Chỉ tiêu: 160	Theo quy định riêng	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600; DELFT từ B1 trở lên; TCF ≥ 300;	- Toán, NK1 (Bật xa), NK2 (Chạy 100m) - Ngữ văn, NK1 (Bật xa), NK2 (Chạy 100m)	Không xét tuyển

STT	Ngành, chương trình đào tạo Tên ngành, mã xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh	Phương thức 2 - xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội			Phương thức 1 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT, NK)	Phương thức 3 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi ĐGNL - SPT)
		Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển	Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2	Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1		
				HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp		
10.	GD Quốc phòng và An ninh Mã xét tuyển: 7140208 Chỉ tiêu: 60	Tất cả các đội tuyển	Ngữ văn, Lịch sử, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELFT từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn $\times 2$, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn $\times 2$, Toán, Tiếng Anh	- Ngữ văn $\times 2$, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn $\times 2$, Toán, Tiếng Anh
11.	SP Toán học Mã xét tuyển: 7140209 Chỉ tiêu: 300	Toán, Vật lí, Hóa học, Tin học	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán $\times 2$, Vật lí, Hóa học - Toán $\times 2$, Vật lí, Tiếng Anh	- Toán $\times 2$, Vật lí, Hóa học - Toán $\times 2$, Vật lí, Tiếng Anh

STT	Ngành, chương trình đào tạo Tên ngành, mã xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh	Phương thức 2 - xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội			Phương thức 1 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT, NK)	Phương thức 3 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi ĐGNL - SPT)
		Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển	Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2	Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1		
12.	SP Toán học (<i>dạy Toán bằng tiếng Anh</i>) Mã xét tuyển: 7140209K Chỉ tiêu: 60	Toán, Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	IELTS $\geq$ 6.0; TOEFL iBT $\geq$ 61; TOEIC $\geq$ 600	- Toán $\times$ 2, Tiếng Anh, Vật lí - Toán $\times$ 2, Tiếng Anh, Ngữ văn	- Toán $\times$ 2, Tiếng Anh, Vật lí - Toán $\times$ 2, Tiếng Anh, Ngữ văn
13.	SP Tin học Mã xét tuyển: 7140210 Chỉ tiêu: 120	Tin học, Toán, Vật lí, Hóa học, Tiếng Anh, NCKHKT	Toán, Tiếng Anh, Tin học	IELTS $\geq$ 6.0; TOEFL iBT $\geq$ 61; TOEIC $\geq$ 600	- Toán, Vật lí, Hoá học - Toán, Vật lí, Tiếng Anh - Toán, Vật lí, Tin học	- Toán, Vật lí, Hoá học - Toán, Vật lí, Tiếng Anh
14.	SP Vật lí Mã xét tuyển: 7140211 Chỉ tiêu: 50	Toán, Vật lí, Hóa học, Tin học	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	IELTS $\geq$ 6.0; TOEFL iBT $\geq$ 61; TOEIC $\geq$ 600	- Toán, Vật lí, Hoá học - Toán, Vật lí, Tiếng Anh	- Toán, Vật lí, Hoá học - Toán, Vật lí, Tiếng Anh
15.	SP Vật lí (<i>dạy Vật lí bằng tiếng Anh</i>)	Toán, Vật lí, Hóa học, Tin học	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	IELTS $\geq$ 6.0;	- Toán, Vật lí, Hoá học - Toán, Vật lí, Tiếng Anh	- Toán, Vật lí, Hoá học - Toán, Vật lí, Tiếng Anh

STT	Ngành, chương trình đào tạo Tên ngành, mã xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh	Phương thức 2 - xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội			Phương thức 1 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT, NK)	Phương thức 3 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi ĐGNL - SPT)
		Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển	Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2	Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1		
	Mã xét tuyển: 7140211K Chỉ tiêu: 20			TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600		
16.	SP Hoá học Mã xét tuyển: 7140212 Chỉ tiêu: 50	Hóa học, Toán, Vật lí	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán, Vật lí, Hoá học - Toán, Hoá học, Sinh học	- Toán, Vật lí, Hoá học - Toán, Hoá học, Sinh học
17.	SP Hoá học (dạy Hóa học bằng tiếng Anh) Mã xét tuyển: 7140212K Chỉ tiêu: 20	Hóa học, Toán, Vật lí	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	Toán, Hoá học, Tiếng Anh	Toán, Hoá học, Tiếng Anh
18.	SP Sinh học Mã xét tuyển: 7140213 Chỉ tiêu: 70	Sinh học, Hóa học, Vật lí, NCKHKT	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán, Hoá học, Sinh học - Toán, Sinh học, Tiếng Anh	- Toán, Hoá học, Sinh học - Toán, Sinh học, Tiếng Anh

STT	Ngành, chương trình đào tạo Tên ngành, mã xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh	Phương thức 2 - xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội			Phương thức 1 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT, NK)	Phương thức 3 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi ĐGNL - SPT)
		Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển	Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n ₂	Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n ₁		
19.	SP Ngữ văn Mã xét tuyển: 7140217 Chỉ tiêu: 450	Ngữ văn	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600	- Ngữ văn × 2, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn × 2, Toán, Tiếng Anh	- Ngữ văn × 2, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn × 2, Toán, Tiếng Anh
20.	SP Lịch sử Mã xét tuyển: 7140218 Chỉ tiêu: 85	Ngữ văn, Lịch sử	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	IELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
21.	SP Địa lí Mã xét tuyển: 7140219 Chỉ tiêu: 100	Địa lí, Ngữ văn, Lịch sử	Địa lí, Ngữ văn, Lịch sử	IELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600	- Toán, Ngữ văn, Địa lí. - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	- Toán, Ngữ văn, Địa lí. - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí
22.	SP Âm nhạc Mã xét tuyển: 7140221 Chỉ tiêu: 90	Theo quy định riêng	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61;	- Toán, NK1 (Hát), NK2 (Lý thuyết âm nhạc cơ bản, Đọc nhạc)	Không xét tuyển

STT	Ngành, chương trình đào tạo Tên ngành, mã xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh	Phương thức 2 - xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội			Phương thức 1 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT, NK)	Phương thức 3 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi ĐGNL - SPT)
		Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển	Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n ₂	Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n ₁		
				TOEIC ≥ 600; DELFT từ B1 trở lên; TCF ≥ 300; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn, NK1 (Hát), NK2 (Lý thuyết âm nhạc cơ bản, Đọc nhạc)	
23.	SP Mỹ thuật Mã xét tuyển: 7140222 Chỉ tiêu: 80	Theo quy định riêng	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600; DELFT từ B1 trở lên; TCF ≥ 300; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Toán, NK1 (Hình họa), NK2 (Trang trí) - Ngữ văn, NK1 (Hình họa), NK2 (Trang trí)	Không xét tuyển

STT	Ngành, chương trình đào tạo Tên ngành, mã xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh	Phương thức 2 - xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội			Phương thức 1 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT, NK)	Phương thức 3 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi ĐGNL - SPT)
		Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển	Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2	Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1		
24.	SP Tiếng Anh Mã xét tuyển: 7140231 Chỉ tiêu: 160	Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	IELTS $\geq$ 6.5; TOEFL iBT $\geq$ 79	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh $\times$ 2	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh $\times$ 2
25.	SP Tiếng Pháp Mã xét tuyển: 7140233 Chỉ tiêu: 20	Tiếng Pháp, Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS $\geq$ 6.0; TOEFL iBT $\geq$ 61; TOEIC $\geq$ 600; DELTA từ B1 trở lên (DELTA B1 tout public hoặc junior), TCF $\geq$ 300	- Toán, Ngữ văn, Tiếng Pháp $\times$ 2 - Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh $\times$ 2	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh $\times$ 2
26.	SP Công nghệ Mã xét tuyển: 7140246	Toán, Vật lý, Công nghệ, Tin học;	Toán, Tiếng Anh, Công nghệ	IELTS $\geq$ 6.0;	- Toán, Vật lý, Hoá học - Toán, Vật lý, Tiếng Anh	- Toán, Vật lý, Hoá học - Toán, Vật lý, Tiếng Anh

STT	Ngành, chương trình đào tạo Tên ngành, mã xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh	Phương thức 2 - xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội			Phương thức 1 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT, NK)	Phương thức 3 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi ĐGNL - SPT)
		Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển	Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n ₂	Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n ₁		
	Chỉ tiêu: 150	NCKHKT		TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600	- Toán, Vật lí, Công nghệ - Công nghiệp - Toán, Vật lí, Công nghệ - Nông nghiệp	
27.	SP Khoa học tự nhiên Mã xét tuyển: 7140247 Chỉ tiêu: 70	Toán, Vật lí, Hóa học, Sinh học	Vật lí, Hóa học, Sinh học	IELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600	- Toán, Vật lí, Hoá học - Toán, Hoá học, Sinh học	- Toán, Vật lí, Hoá học - Toán, Hoá học, Sinh học
28.	SP Lịch sử - Địa lí Mã xét tuyển: 7140249 Chỉ tiêu: 100	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	IELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí

Thí sinh trúng tuyển các ngành SP Tin học, SP Sinh học sau khi nhập học nếu có nguyện vọng thì có thể đăng kí dự tuyển vào học chương trình đào tạo giáo viên dạy bằng tiếng Anh: SP Tin học (dạy Tin học bằng tiếng Anh), SP Sinh học (dạy Sinh học bằng tiếng Anh).

Sinh viên học các ngành đào tạo giáo viên của Trường ĐHSP Hà Nội (ngành sư phạm) được hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt (nếu đăng kí và cam kết phục vụ trong ngành giáo dục). Nếu sinh viên không đăng kí hưởng hỗ trợ sẽ tự túc nộp học phí theo quy

định của Trường. Trong bảng trên, chỉ có ngành Quản lý giáo dục không phải là ngành đào tạo giáo viên.

2. Lĩnh vực nhân văn

STT	Ngành, chương trình đào tạo <i>Tên ngành, mã xét tuyển,</i> <i>chỉ tiêu tuyển sinh</i>	Phương thức 2 <i>- xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội</i>			Phương thức 1 <i>Tổ hợp môn xét tuyển</i> (môn thi TN THPT)	Phương thức 3 <i>Tổ hợp môn xét tuyển</i> (môn thi SPT)
		Đội tuyển HSG <i>- ưu tiên xét tuyển</i>	Tổ hợp môn <i>- xét cộng điểm khuyến khích n_2</i>	Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế <i>- xét cộng điểm khuyến khích n_1</i>		
1.	Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam <i>- tuyển sinh người Việt Nam</i> <i>(bắt đầu tuyển sinh từ 2025)</i> <i>Mã xét tuyển:</i> 7220101 <i>Chỉ tiêu: 70</i>	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	Ngữ văn, Lịch sử, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELF từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
2.	Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam <i>- tuyển sinh người nước ngoài</i> <i>(bắt đầu tuyển sinh từ 2025)</i> <i>Mã xét tuyển:</i> 7220101 <i>Chỉ tiêu: 10</i>	<i>Theo quy định riêng</i>				

STT	Ngành, chương trình đào tạo Tên ngành, mã xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh	Phương thức 2 - xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội			Phương thức 1 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT)	Phương thức 3 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi SPT)
		Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển	Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2	Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1		
3.	Ngôn ngữ Anh Mã xét tuyển: 7220201 Chỉ tiêu: 60	Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.5 ; TOEFL iBT ≥ 79	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh $\times 2$	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh $\times 2$
4.	Ngôn ngữ Trung Quốc Mã xét tuyển: 7220204 Chỉ tiêu: 45	Tiếng Anh, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Pháp, Ngữ văn	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh $\times 2$ - Toán, Ngữ văn, Tiếng Trung Quốc $\times 2$	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh $\times 2$
5.	Triết học (Triết học Mác Lênin) Mã xét tuyển: 7229001 Chỉ tiêu: 195	Tất cả các đội tuyển	Ngữ văn, Lịch sử, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELTA từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh - Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục KPTPL	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh

STT	Ngành, chương trình đào tạo Tên ngành, mã xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh	Phương thức 2 - xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội			Phương thức 1 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT)	Phương thức 3 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi SPT)
		Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển	Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2	Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1		
6.	Lịch sử (bắt đầu tuyển sinh từ 2025) Mã xét tuyển: 7229010 Chỉ tiêu: 60	Ngữ văn, Lịch sử	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh - Ngữ văn, Lịch sử, Toán	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh - Ngữ văn, Lịch sử, Toán
7.	Văn học Mã xét tuyển: 7229030 Chỉ tiêu: 100	Ngữ văn	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELTA từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn $\times 2$, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn $\times 2$, Toán, Tiếng Anh	- Ngữ văn $\times 2$, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn $\times 2$, Toán, Tiếng Anh

3. Lĩnh vực khoa học xã hội và hành vi

STT	Ngành, chương trình đào tạo Tên ngành, mã xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh	Phương thức 2 - xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội			Phương thức 1 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT)	Phương thức 3 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi SPT)	
		Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển	Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2	Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1			
1.	Chính trị học Mã xét tuyển: 7310201 Chỉ tiêu: 100	Tất cả các đội tuyển	Giáo dục KTPL, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELF từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn, Giáo dục KTPL, Lịch sử - Ngữ văn, Giáo dục KTPL, Địa lí - Ngữ văn, Giáo dục KTPL, Tiếng Anh	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
2.	Xã hội học (bắt đầu tuyển sinh từ 2025) Mã xét tuyển: 7310301 Chỉ tiêu: 80	Tất cả các đội tuyển	Ngữ văn, Lịch sử, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELF từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh - Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục KTPL	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	

STT	Ngành, chương trình đào tạo Tên ngành, mã xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh	Phương thức 2 - xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội			Phương thức 1 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT)	Phương thức 3 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi SPT)	
		Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển	Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2	Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1			
3.	Tâm lý học <i>(Tâm lý học trường học)</i> Mã xét tuyển: 7310401 Chỉ tiêu: 180	Tất cả các đội tuyển	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELF từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử - Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh - Ngữ văn, Tiếng Anh, Địa lí	- Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử - Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh - Ngữ văn, Tiếng Anh, Địa lí	
4.	Tâm lý học giáo dục Mã xét tuyển: 7310403 Chỉ tiêu: 70	Tất cả các đội tuyển	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELF từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử - Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh - Ngữ văn, Tiếng Anh, Địa lí	- Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử - Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh - Ngữ văn, Tiếng Anh, Địa lí	

STT	Ngành, chương trình đào tạo Tên ngành, mã xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh	Phương thức 2 - xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội			Phương thức 1 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT)	Phương thức 3 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi SPT)	
		Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển	Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2	Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1			
5.	Việt Nam học - tuyển sinh người Việt Nam Mã xét tuyển: 7310630 Chỉ tiêu: 210	Ngữ văn, Toán, Lịch sử, Địa lí, Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELF từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn, Tiếng Anh, Toán - Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử	- Ngữ văn, Tiếng Anh, Toán - Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử	
6.	Việt Nam học - tuyển sinh người nước ngoài Mã xét tuyển: 7310630 Chỉ tiêu: 10	<i>Theo quy định riêng</i>					

4. Lĩnh vực khoa học sự sống

STT	Ngành, chương trình đào tạo Tên ngành, mã xét tuyển, Chỉ tiêu	Phương thức 2 - xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội			Phương thức 1 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT)	Phương thức 3 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi SPT)
		Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển	Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2	Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1		
1.	Sinh học Mã xét tuyển: 7420101 Chỉ tiêu: 120	Sinh học, Hóa học, Vật lý, NCKHKT	Toán, Tiếng Anh, Sinh học	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán, Hoá học, Sinh học - Toán, Sinh học, Tiếng Anh	- Toán, Hoá học, Sinh học - Toán, Sinh học, Tiếng Anh
2.	Công nghệ sinh học (bắt đầu tuyển sinh từ 2025) Mã xét tuyển: 7420201 Chỉ tiêu: 80	Sinh học, Hóa học, Vật lý, NCKHKT	Toán, Tiếng Anh, Sinh học	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán, Hoá học, Sinh học - Toán, Sinh học, Tiếng Anh - Toán, Sinh học, Vật lý	- Toán, Hoá học, Sinh học - Toán, Sinh học, Tiếng Anh - Toán, Sinh học, Vật lý

5. Lĩnh vực khoa học tự nhiên

STT	Ngành, chương trình đào tạo Tên ngành, mã xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh	Phương thức 2 - xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội			Phương thức 1 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT)	Phương thức 3 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi SPT)
		Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển	Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2	Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1		
1.	Vật lý học <i>(Vật lý bán dẫn và kỹ thuật)</i> <i>(bắt đầu tuyển sinh từ 2025)</i> Mã xét tuyển: 7440102 Chỉ tiêu: 120	Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học, NCKHKT	Toán, Tiếng Anh, Vật lý	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán, Vật lý, Hoá học - Toán, Vật lý, Tiếng Anh - Toán, Vật lý, Tin học	- Toán, Vật lý, Hoá học - Toán, Vật lý, Tiếng Anh
2.	Hóa học Mã xét tuyển: 7440112 Chỉ tiêu: 150	Hóa học, Toán, Vật lý	Toán, Tiếng Anh, Hóa học	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL IBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán, Vật lý, Hoá học - Toán, Hoá học, Sinh học - Toán, Hóa học, Tiếng Anh	- Toán, Vật lý, Hoá học - Toán, Hoá học, Sinh học - Toán, Hóa học, Tiếng Anh

6. Lĩnh vực Toán và thống kê

STT	Ngành, chương trình đào tạo Tên ngành, mã xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh	Phương thức 2			Phương thức 1 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT)	Phương thức 3 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi SPT)
		- xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội	Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển	Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2	Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1	
1.	Toán học Mã xét tuyển: 7460101 Chỉ tiêu: 120	Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học, NCKHKT	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL IBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán $\times 2$, Vật lý, Hóa học - Toán $\times 2$, Vật lý, Tiếng Anh	- Toán $\times 2$, Vật lý, Hóa học - Toán $\times 2$, Vật lý, Tiếng Anh

7. Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin

TT	Ngành, chương trình đào tạo Tên ngành, mã xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh	Phương thức 2			Phương thức 1 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT)	Phương thức 3 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi SPT)
		- xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội	Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển	Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2	Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1	
1.	Công nghệ thông tin Mã xét tuyển: 7480201 Chỉ tiêu: 140	Tin học, Toán, Vật lý, Hóa học, Tiếng Anh, NCKHKT	Toán, Tiếng Anh, Tin học	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600	- Toán, Vật lý, Hoá học - Toán, Vật lý, Tiếng Anh - Toán, Vật lý, Tin học	- Toán, Vật lý, Hoá học - Toán, Vật lý, Tiếng Anh

8. Lĩnh vực Dịch vụ xã hội

STT	Ngành, chương trình đào tạo Tên ngành, mã xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh	Phương thức 2 - xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội			Phương thức 1 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT)	Phương thức 3 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi SPT)
		Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển	Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2	Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1		
1.	Công tác xã hội Mã xét tuyển: 7760101 Chỉ tiêu: 200	Tất cả các đội tuyển	Ngữ văn, Lịch sử, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELFT từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh - Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục KTPL	- Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
2.	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật Mã xét tuyển: 7760103 Chỉ tiêu: 160	Tất cả các đội tuyển	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELFT từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn $\times 2$, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn $\times 2$, Toán, Tiếng Anh	- Ngữ văn $\times 2$, Lịch sử, Địa lí - Ngữ văn $\times 2$, Toán, Tiếng Anh

9. Lĩnh vực Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân

STT	Ngành, chương trình đào tạo Tên ngành, mã xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh	Phương thức 2 - xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội			Phương thức 1 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi TN THPT)	Phương thức 3 Tổ hợp môn xét tuyển (môn thi SPT)
		Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển	Tổ hợp môn - xét cộng điểm khuyến khích n_2	Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm khuyến khích n_1		
1.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành Mã xét tuyển: 7810103 Chỉ tiêu: 150	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử, Địa lí	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELFT từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp	- Ngữ văn, Tiếng Anh, Toán - Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử	- Ngữ văn, Tiếng Anh, Toán - Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử

* Căn cứ đề nghị của các trường dự bị đại học (DBĐH), Trường dành một số chỉ tiêu để xét chuyển học sinh hoàn thành chương trình DBĐH theo Quy chế hiện hành của Bộ GDĐT về tuyển sinh, bồi dưỡng DBĐH; xét chuyển vào học trình độ đại học đối với học sinh DBĐH.

IV. Trách nhiệm thí sinh

1. Quy định chung

a) Tìm hiểu kỹ thông tin tuyển sinh của Trường, không đăng kí nguyện vọng vào những ngành, chương trình đào tạo hay phương thức xét tuyển mà thí sinh không đủ điều kiện dự tuyển.

b) Cung cấp đầy đủ và bảo đảm tính chính xác của tất cả thông tin đăng kí thi tuyển, xét tuyển bao gồm cả thông tin cá nhân, thông tin khu vực và đối tượng ưu tiên (nếu có).

c) Hoàn thành thanh toán lệ phí thi tuyển, xét tuyển trong thời gian quy định. Sau khi nộp lệ phí, thí sinh phải giữ lại biên lai nộp tiền hoặc xác nhận chuyển tiền để Trường đối chiếu khi cần thiết.

d) Kiểm tra lại kĩ lưỡng các thông tin đã khai, các minh chứng đã tải lên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường trước khi nộp hồ sơ thi tuyển, xét tuyển và thanh toán lệ phí. Nếu thông tin đăng kí bị thiếu hoặc sai thì thí sinh chịu hoàn toàn trách nhiệm. Lệ phí đã đóng sẽ không được hoàn trả lại trong bất cứ trường hợp nào.

e) Đồng ý để Trường và các trường đại học đối tác sử dụng thông tin, dữ liệu liên quan phục vụ cho công tác xét tuyển.

f) Tra cứu thông tin ca thi, phòng thi, số báo danh trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường. Thí sinh phải có trách nhiệm thực hiện đúng thời gian và lịch thi theo quy định của Trường. Nếu vi phạm thì thí sinh sẽ không được dự thi và phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.

g) Thí sinh có hành vi gian lận trong quá trình đăng kí dự tuyển, dự thi để được trúng tuyển; tùy theo mức độ có thể bị buộc thôi học, cấm dự tuyển vào các cơ sở đào tạo trong những năm tiếp theo hoặc bị xử lý hình sự theo quy định của pháp luật.

h) Thí sinh phải đăng kí nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh của Bộ GDĐT theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ GDĐT và Trường ĐHSP Hà Nội.

i) Thí sinh thuộc diện trúng tuyển phải xác nhận nhập học trên Hệ thống của Bộ GDĐT. Sau đó, chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của Trường và đến Trường nộp hồ sơ nhập học đúng thời gian quy định theo thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Trường. Thí sinh đã xác nhận nhập học nhưng không nộp hồ sơ nhập học sẽ bị hủy kết quả trúng tuyển.

2. Đăng ký xét tuyển trên hệ thống theo kế hoạch chung

Bộ GDĐT tổ chức đăng ký xét tuyển đợt 1 đào tạo chính quy cho tất cả phương thức tuyển sinh của các cơ sở đào tạo trên **Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung** tại địa chỉ: <https://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn/>. Thời gian đăng ký nguyện vọng xét tuyển (NVXT) bắt đầu từ ngày **16/7** và kết thúc lúc **17h00** ngày **28/7/2025**.

a) Thí sinh dự tuyển đợt 1 đào tạo chính quy (*bao gồm cả những thí sinh diện XTT1, đủ điều kiện trúng tuyển thẳng*) bắt buộc phải thực hiện đăng ký xét tuyển trên hệ thống theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ GDĐT.

b) Thí sinh được đăng ký nguyện vọng vào nhiều ngành, nhiều trường khác nhau không hạn chế số lượng, nhưng phải sắp xếp các nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, **thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất.**

c) Thí sinh thể hiện nguyện vọng của mình qua những lựa chọn trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung (theo hướng dẫn của Bộ GDĐT) như sau:

- Thứ tự ưu tiên của nguyện vọng (số 1 thể hiện nguyện vọng cao nhất);
- Lựa chọn cơ sở đào tạo, đơn vị tuyển sinh (mã trường);
- Lựa chọn chương trình, ngành đào tạo (mã xét tuyển).

V. Xét tuyển, xử lý nguyện vọng theo kế hoạch chung và thông báo kết quả

1. Sau khi kết thúc thời gian đăng ký nguyện vọng trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung, Nhà trường tải thông tin, dữ liệu từ Hệ thống bao gồm: dữ liệu đăng ký nguyện vọng, kết quả học tập cấp THPT, kết quả kì thi tốt nghiệp THPT, điểm xét tốt nghiệp THPT, dữ liệu về ưu tiên theo khu vực và đối tượng của những thí sinh dự tuyển,... để phục vụ xét tuyển.

2. Nguyên tắc xét tuyển

a) Điểm trúng tuyển được xác định để số lượng tuyển được theo từng ngành, chương trình đào tạo phù hợp với số lượng chỉ tiêu đã công bố, nhưng không thấp hơn ngưỡng đầu vào;

b) Đối với một chương trình, ngành đào tạo, tất cả thí sinh được xét chọn bình đẳng dựa trên điểm xét và điểm trúng tuyển quy đổi tương đương theo từng phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển, không phụ thuộc thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký trừ trường hợp quy định tại điểm c dưới đây;

c) Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách, cơ sở đào tạo có thể sử dụng tiêu chí phụ là thứ tự nguyện vọng (để xét chọn những thí sinh có thứ tự nguyện vọng cao hơn);

3. Sau mỗi chu kỳ xét tuyển, Nhà trường tải lên Hệ thống danh sách thí sinh dự kiến đủ điều kiện trúng tuyển các ngành, chương trình đào tạo. Hệ thống xử lý nguyện vọng sẽ tự động loại bỏ khỏi danh sách những nguyện vọng thấp của thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển nhiều nguyện vọng, trả lại danh sách thí sinh dự kiến trúng tuyển theo nguyện vọng cao nhất.

4. Căn cứ kết quả xử lý nguyện vọng, cơ sở đào tạo lập lại quy trình xét tuyển ở chu kỳ sau, điều chỉnh điểm trúng tuyển cho phù hợp với chỉ tiêu trong thời hạn quy định. Ở chu kỳ cuối, cơ sở đào tạo quyết định điểm trúng tuyển vào các ngành, chương trình đào tạo và

tải lên hệ thống danh sách (chính thức) thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển. Trên cơ sở kết quả xử lý nguyện vọng cuối cùng, nhà trường quyết định danh sách thí sinh trúng tuyển vào các ngành, chương trình đào tạo.

5. Trường ĐHSP Hà Nội công bố điểm trúng tuyển vào các ngành, chương trình đào tạo; tổ chức cho thí sinh tra cứu kết quả xét tuyển của cá nhân trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường.

Thông báo này cập nhật và thay thế cho Thông báo số 906/TB-ĐHSPHN ngày 10/7/2025 của Trường ĐHSP Hà Nội về thông tin tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2025. Căn cứ Kế hoạch, hướng dẫn tuyển sinh của Bộ GDĐT, Trường ĐHSP Hà Nội xây dựng Kế hoạch, hướng dẫn tuyển sinh, nhập học và công bố ở các thông báo tiếp theo./.